TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 326/2026/DS-ST
Ngày: 27-8-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Tuân;

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Hoàng Liêm – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phan Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 560/2026/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 531/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 24-7-1943; CCCD số: 082143xxxxxx; địa chỉ: Số A B, phường B, thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH Đ ở Đ; địa chỉ: Tổ F, Ấp E, xã T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu phố P, phường G, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Phước T1, sinh năm 1942; địa chỉ: Số A B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Anh Võ Đại H, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Lê Thị Mỹ L thống nhất trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 02/10/2022, bà Lê Thị Mỹ L có cho Công ty TNHH Đ ở Đ (viết tắt: Công ty) do ông Phan Đức T làm đại diện vay số tiền 600.000.000 đồng, việc vay tiền có làm phiếu thu, ông Phan Đức T có ký tên và đóng dấu Công ty. Lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, vay tiền không xác định thời hạn trả nhưng khi nào bà L cần sẽ báo trước cho ông T 01 tháng để thu hồi nợ. Sau khi vay ông T có trả lãi cho bà L được số tiền 18.000.000 đồng là ngưng cho đến nay.

Sau khi vay bà L đã nhiều lần liên lạc với ông T để yêu cầu ông T thanh toán số tiền vay và tiền lãi nhưng ông T cố tình tránh mặt cho đến nay.

Nay bà Lê Thị Mỹ L yêu cầu Công ty TNHH Đ ở Đ; đại diện theo pháp luật anh Phan Đức T trả cho bà số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng và tiền lãi suất theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày vay 02 tháng 10 năm 2022 cho đến khi xét xử xong vụ án, khấu trừ số tiền lãi đã nhận 18.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án – bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện ủy quyền thống nhất trình bày ý kiến:

Ông T1 là chồng của bà L, số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng nên ông T1 thống nhất ý kiến của bà L, yêu cầu Công ty TNHH Đ ở Đ; đại diện theo pháp luật anh Phan Đức T trả cho ông và bà L số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng và tiền lãi suất theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày vay 02 tháng 10 năm 2022 cho đến khi xét xử xong vụ án, khấu trừ số tiền lãi đã nhận 18.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 468 BLDS; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ L đối với Công ty TNHH Đ ở Đ về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc Công ty TNHH Đ ở Đ Phan trả cho bà Lê Thị Mỹ L nợ gốc 600.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày vay 02/10/2022 cho đến khi xét xử xong vụ án. Ghi nhận bà L đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận 18.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Công ty TNHH Đ ở Đ là doanh nghiệp có trụ sở tại ấp E, xã T, tỉnh Tây Ninh; tình trạng công ty còn đang hoạt động; người đại diện theo pháp luật của công ty - ông Phan Đức T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có). Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (bút lục 53) thể hiện nội dung: Phiếu thu của Công ty TNHH Đ ở Đ; họ và tên người nộp Lê Thị Mỹ L; về khoản cho mượn tạm tính lãi suất 3%/tháng; số tiền 600.000.000 đồng; sẽ báo trước 01 tháng khi cần thu lại; Gò Dầu, ngày 02/10/2022; có chữ ký của giám đốc Phan Đức T và đóng dấu của Công ty; người nộp Lê Thị Mỹ L; người lập phiếu Phan Đức T. Do đó, có cơ sở để xác định vào ngày 02/10/2022 bà Lê Thị Mỹ L có cho Công ty vay số tiền 600.000.000 đồng là thật.

[4] Xét thấy, Công ty TNHH Đ và Phát triển nhà ở Đ có vay tiền của bà L nhưng không thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L nên bà L khởi kiện yêu cầu trả số tiền vay gốc 600.000.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của bà L: Do các đương sự thỏa thuận mức lãi suất 3% vượt mức quy định nên khi tranh chấp phát sinh tiền lãi được tính lại theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, bà L yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp nên chấp nhận; bà L yêu cầu tính lãi từ ngày vay tiền 02/10/2022 đến ngày xét xử (27/8/2026), số tiền gốc 600.000.000 là phù hợp. Tiền lãi được tính như sau: 233.230.000 đồng (600.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 46 tháng 25 ngày). Ghi nhận bà L thống nhất khấu trừ tiền lãi đã nhận là 18.000.000 đồng.

[6] Xét thấy, bà L và ông T1 hiện là vợ chồng; ông bà thống nhất số tiền cho Công ty vay là tài sản chung của ông bà nên yêu cầu Tòa án buộc Công ty trả cho

ông bà là phù hợp.

[7] Từ những phân tích và nhận định trên, buộc Công ty TNHH Đ ở Đ (đại diện theo pháp luật: anh Phan Đức T) có nghĩa vụ thanh toán cho bà L, ông T1 số tiền vay gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi 215.230.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, ông T1.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tình tiết, nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Đ ở Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ L, ông Nguyễn Phước T1 đối với Công ty TNHH Đ ở Đ về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản";

Buộc Công ty TNHH Đ ở Đ (đại diện theo pháp luật: anh Phan Đức T) có nghĩa vụ thanh toán cho bà L, ông T1 số tiền tổng cộng 815.230.000 đồng (tám trăm mười lăm triệu hai trăm ba mươi nghìn); trong đó tiền vay gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi 215.230.000 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Đ ở Đ (đại diện theo pháp luật: anh Phan Đức T) phải chịu 36.456.000 đồng tiền án phí.

Bà Lê Thị Mỹ L, ông Nguyễn Phước T1 là người cao tuổi thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí nên không được hoàn trả lại.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 11;
- Thi hành án khu vực 11;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Lắm